

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2021/DS-ST

Ngày: 20-12-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L2.

2. Bà Phạm Thị M.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 83/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc “tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thùy L3, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G (tên gọi khác: Đức), sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn B, huyện M, tỉnh L.

Bà L3 có mặt; ông G vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thùy L3: Bà Nguyễn Thùy L3 yêu cầu ông Nguyễn Văn G phải trả cho bà L3 số tiền gốc và lãi tổng cộng là 28.950.000 (hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng, trong đó số tiền gốc là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng; số tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng, tính từ

ngày vay 04/02/2021 đến ngày xét xử 20/12/2021 là 10 tháng 16 ngày, thành tiền là 3.950.000 (ba triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của ông Nguyễn Văn G: Ông G vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thùy L3 cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), 01 biên nhận (bản chính), bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Văn G cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết bà Nguyễn Thùy L3 trình bày: Vào ngày 04/02/2021, bà L3 có cho ông G vay số tiền 25.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay 02 tháng. Tuy nhiên đến nay ông G chưa trả được cho bà L3 tiền gốc và tiền lãi. Nay bà L3 yêu cầu ông G phải trả cho bà L3 số tiền gốc và lãi tổng cộng là 28.950.000 (hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng, trong đó số tiền gốc là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng; số tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng, tính từ ngày vay 04/02/2021 đến ngày xét xử 20/12/2021 là 10 tháng 16 ngày, thành tiền là 3.950.000 (ba triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

Bà L3 xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà L3 đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ pháp luật là “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Ông Nguyễn Văn G có địa chỉ tại thị trấn B, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về việc xác định lại tên bị đơn trong thông báo thụ lý:* Trong đơn khởi kiện, bà L3 xác định bị đơn là Nguyễn Văn Đ nên thông báo thụ lý xác định theo đơn khởi kiện của bà L3. Hiện nay, bà L3 và ông G xác định lại tên Đ là tên thường gọi còn tên trong giấy tờ là G nên xác định bị đơn là Nguyễn Văn G.

[3]. *Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Văn G:* Ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông G.

[4]. *Về yêu cầu đòi tiền gốc của bà Nguyễn Thùy L3:*

[4.1]. Bà Nguyễn Thùy L3 khởi kiện và cung cấp chứng cứ là biên nhận tiền; ông Nguyễn Văn G vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà L3 nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của bà L3 cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2]. Biên nhận nợ ngày 04/02/2021 có chữ ký và chữ viết, theo bà L3 trình bày là của ông G. Theo nội dung biên nhận nợ ngày 04/02/2021 thể hiện, ông G có vay bà L3 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

[4.3]. Từ những tài liệu, chứng cứ trên, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L3 đối với ông G, buộc ông G có nghĩa vụ trả cho bà L3 số tiền gốc là 25.000.000 ((hai mươi lăm triệu) đồng).

[5]. *Về yêu cầu đòi tiền lãi của bà Nguyễn Thùy L3:* Xét thấy, lãi suất hai bên thỏa thuận trong biên nhận nợ phù hợp quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận, buộc ông Nguyễn Văn G phải trả tiền lãi cho bà L3, cụ thể như sau: 25.000.000 đồng x 10 tháng 16 ngày (từ ngày 04/02/2021 đến ngày 20/12/2021) x 1,5%/tháng = 3.950.000 (ba triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

[6]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7]. *Về thời gian trả và cách thức trả:* Bà L3 yêu cầu trả một lần, ông G vắng mặt, không có ý kiến nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[8]. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn G phải chịu số tiền 1.447.500 (một triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thùy L3 không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài

sản của bà Nguyễn Thùy L3 đối với ông Nguyễn Văn G, buộc ông G có nghĩa vụ trả cho bà L3 số tiền gốc 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, số tiền lãi là 3.950.000 (ba triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng, tổng cộng là 28.950.000 (hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí, căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

3.1. Buộc ông Nguyễn Văn G phải chịu số tiền 1.447.500 (một triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Nguyễn Thùy L3 không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà L3 số tiền 691.000 (sáu trăm chín mươi một ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010269 ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Căn cứ vào các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1